

Số: /KH-THAH

Hồng An, ngày tháng 01 năm 2026

KẾ HOẠCH
Thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục
gắn với triển khai Đề án 06
Năm học 2025-2026

Căn cứ Quyết định số 3849/QĐ-UBND ngày 23/9/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Kế hoạch nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2025-2026 của ngành GDĐT thành phố Hải Phòng;

Thực hiện Kế hoạch số 7462/KH-SGDĐT, ngày 08/10/2025 về việc thực hiện nhiệm vụ Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục gắn với triển khai Đề án 06, năm học 2025-2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng;

Thực hiện Công văn số 05/KH-VHXXH ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân phường Hồng An về Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục gắn với triển khai Đề án 06, năm học 2025-2026.

Trường Tiểu học An Hồng thực hiện một số nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2025-2026 như sau:

I. NHIỆM VỤ CHUNG

1. Quán triệt chính sách và định hướng của Đảng, Nhà nước: Toàn trường tiếp tục quán triệt, triển khai các nghị quyết, quyết định của Đảng và Nhà nước về chuyển đổi số và ứng dụng CNTT trong giáo dục, đặc biệt là Nghị quyết 57- NQ/TW, Nghị quyết 71-NQ/TW, Quyết định số 131/QĐ-TTg và Đề án 06.

2. Tổng kết, định hướng lộ trình: Đẩy nhanh tiến độ tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong GDĐT giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” ; Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030”. Rút kinh nghiệm, đề xuất phương hướng, giải pháp và lộ trình chi tiết cho giai đoạn tiếp theo.

3. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 2416/KH-SGDĐT ngày 22/4/2025 của Sở GDĐT Hải Phòng (cũ) về việc triển khai thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn thành phố Hải Phòng lộ trình năm 2025 và những năm tiếp theo;

4. Đảm bảo hạ tầng và trang thiết bị: Rà soát, đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị CNTT và đường truyền Internet cho toàn trường, bảo đảm đáp ứng yêu cầu dạy - học trực tuyến, thống kê và quản trị số. Đặc biệt ưu tiên đầu tư phòng học vi tính, thiết bị dạy học thông minh, các thiết bị hỗ trợ xây dựng học liệu số.

5. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu và kết nối liên thông: Tiếp tục triển khai, hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành giáo dục của thành phố, đảm bảo kết nối, liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia và các ngành liên quan. Đẩy mạnh triển khai khai thác các nền tảng Quản lý giáo dục đảm bảo nhà trường kết nối liên thông, cập nhật kịp thời dữ liệu học sinh, giáo viên, học bạ số và các thông tin quản lý giáo dục khác. Đẩy mạnh xây dựng cơ sở dữ liệu về học bạ số; phát triển hệ thống tra cứu trực tuyến.

6. Ứng dụng các nền tảng số và trí tuệ nhân tạo (AI): Tăng cường ứng dụng các nền tảng, công cụ thông minh như: Google: Google Forms; Google Docs; Google Meet; Google Sheets; Google Drive; Cavan; Chat GPT, Copilot, Quizizz AI, google Forms; Canva, Power Point 365, iSpring Suite hoặc Adobe Presenter... để tạo đề kiểm tra, câu hỏi trắc nghiệm, trò chơi học tập sinh động cho học sinh. Đẩy mạnh tích hợp AI vào các ứng dụng giáo dục, bảo đảm tính “có trách nhiệm”, minh bạch và an toàn: như hỗ trợ tạo sinh nội dung bài giảng, thiết kế câu hỏi trắc nghiệm, phân tích kết quả học tập; đồng thời thường xuyên bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý nâng cao năng lực sử dụng AI, hướng dẫn học sinh làm quen và khai thác AI đúng cách.

7. An toàn thông tin và an toàn trong môi trường số: Bảo đảm an toàn tuyệt đối cho môi trường số trong nhà trường. Nhà trường xuyên cập nhật, rà soát hệ thống an ninh mạng, dữ liệu; diệt virus có bản quyền, sao lưu dữ liệu định kỳ. Đồng thời tăng cường phổ biến quy định pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong giáo dục và các văn bản hướng dẫn của Bộ, đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt, giữ gìn bí mật thông tin cá nhân của học sinh, giáo viên và cán bộ quản lý.

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong dạy, học và kiểm tra, đánh giá

a. Nâng cao hiệu quả sử dụng Hệ thống quản lý học tập (LMS): Tiếp tục khai thác tối đa LMS trên nền tảng QLGD, K12 online và các công cụ hỗ trợ (Microsoft Teams/Google Classroom, Zoom, GoogleMeet). Yêu cầu 100% giáo viên sử dụng LMS để xây dựng bài giảng điện tử, giao bài tập trực tuyến, theo dõi và đánh giá kết quả học tập của học sinh hàng ngày. Tiếp tục triển khai Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về quản lý, tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên, đưa việc học - dạy trực tuyến thành hoạt động thiết yếu, tăng cường tương tác (ví dụ tổ chức diễn đàn học tập, lớp học ảo,...).

Phát triển kho học liệu số và ngân hàng câu hỏi dùng chung: Các tổ chuyên môn duy trì kế hoạch xây dựng, thu thập học liệu số đa phương tiện (video bài giảng, mô hình mô phỏng, sách điện tử, phần mềm tương tác...) và ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm,

tự luận chất lượng cao cho toàn khối. Khuyến khích ứng dụng AI hỗ trợ giáo viên xây dựng học liệu số và ngân hàng câu hỏi. Tổ chức phong trào sáng tạo số và ứng dụng công nghệ AI trong dạy học nhằm nâng cao ứng dụng công nghệ số và các công cụ AI hiện đại.

b. Mô hình dạy học kết hợp và ứng dụng AI: Triển khai mô hình dạy học kết hợp (Blended Learning): Kết hợp linh hoạt giữa dạy trực tiếp và trực tuyến trên phần mềm K12 Online; trong đó, giáo viên cần thiết lập lịch dạy học, ôn tập trực tuyến định kỳ. Tăng cường ứng dụng AI trong giảng dạy có trách nhiệm: khuyến khích giáo viên sử dụng công cụ AI để đa dạng hóa hình thức truyền đạt (tạo sinh câu hỏi trắc nghiệm, hỗ trợ thiết kế bài giảng sinh động, cá nhân hóa lộ trình học cho học sinh.). Hướng dẫn và định hướng cho học sinh sử dụng các công cụ AI đơn giản (như chatbot học tập, ứng dụng hỗ trợ giải toán, v.v.) để tự học; đồng thời giáo viên cần kiểm soát và đánh giá kết quả học tập tránh phụ thuộc hoàn toàn vào công nghệ.

c. Đổi mới kiểm tra, đánh giá: Khuyến khích đánh giá thường xuyên bằng hình thức trực tuyến trên LMS; Sử dụng các công cụ phân tích kết quả học tập để rà soát chất lượng dạy và học: đối chiếu phổ điểm, rà soát kiến thức học sinh yếu kém, từ đó điều chỉnh chương trình ôn tập và giảng dạy.

đ) Bồi dưỡng nâng cao năng lực số: Tổ chức thường xuyên các khóa bồi dưỡng, tập huấn (kết hợp trực tuyến và trực tiếp) cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên CNTT về kỹ năng số gắn với thực tế công việc: cách xử lý và phân tích dữ liệu giáo dục, quản lý học tập trên LMS, xây dựng học liệu số tương tác, tổ chức dạy học trực tuyến hiệu quả, ứng dụng AI trong soạn giảng và giảng dạy, đảm bảo an toàn thông tin. Khuyến khích các tổ chuyên môn liên kết tổ chức sinh hoạt chuyên môn chia sẻ kinh nghiệm ứng dụng CNTT.

e. Nâng cấp thiết bị dạy học: Rà soát, bổ sung trang thiết bị phục vụ dạy học trực tuyến và xây dựng học liệu số: trang bị thêm máy tính, màn hình tương tác cho các phòng học nhằm đảm bảo 100% các lớp có đủ cơ sở vật chất UDCNTT trong dạy học; nâng cấp đường truyền Internet; Mua bổ sung máy tính để phòng máy tính đạt chuẩn dạy Tin học. Khai thác hiệu các thiết bị CNTT đã đầu tư: hướng dẫn giáo viên sử dụng đầy đủ các tính năng của bảng tương tác, màn hình thông minh để học sinh tương tác trực tiếp trong giờ học.

g. Thư viện số và chia sẻ tài nguyên: Xây dựng và mở rộng hệ thống thư viện điện tử: bao gồm phần mềm quản trị thư viện và kho tài nguyên số dùng chung. Kết nối chia sẻ giữa các thư viện trường học với kho học liệu số quốc gia. Khuyến khích giáo viên và học sinh đóng góp, mượn trao đổi tài nguyên số (sách điện tử, video giảng bài, đề kiểm tra mẫu.) qua nền tảng chung.

h. Bảo đảm an toàn môi trường giáo dục số: Triển khai đồng bộ các giải pháp bảo mật khi tổ chức dạy học và hoạt động trực tuyến: sử dụng phần mềm được cấp phép bản quyền, thiết lập quy định sử dụng thiết bị và tài khoản số cho giáo viên, học

sinh; hướng dẫn tư thế làm việc, thời gian sử dụng thiết bị đảm bảo sức khỏe; thực hiện các giải pháp bảo vệ trẻ em trên mạng theo quy định của Bộ GDĐT.

2. Chuyển đổi số trong quản trị và xây dựng cơ sở dữ liệu giáo dục

a. Triển khai phần mềm quản trị nhà trường: Nhà trường thực hiện kết nối thông suốt, đồng bộ với cơ sở dữ liệu ngành giáo dục thông qua cơ sở dữ liệu ngành giáo dục thành phố Hải Phòng (csdl.haiphong.edu.vn). Số hóa mạnh mẽ hồ sơ người học, hồ sơ giáo viên, sổ điểm, học bạ, hồ sơ chuyên môn. Kết nối đồng bộ dữ liệu với CSDL ngành và các hệ thống quản lý chung của thành phố. Nhập kết quả dữ liệu theo dõi sức khỏe học sinh trên CSDL, phân tích dữ liệu, hỗ trợ công tác quản trị nhà trường.

b. Học bạ số: Hoàn thành việc triển khai 100% học bạ số ở nhà trường theo quy định và hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT; hướng dẫn rà soát, ký số và lưu trữ điện tử bảo đảm tính pháp lý của học bạ.

c. CSDL ngành giáo dục: Tiếp tục tăng cường kiểm soát chất lượng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục theo Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo, trong đó tập trung triển khai một số nhiệm vụ như sau:

- Tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành giáo dục(csdl.haiphong.edu.vn), kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia đảm bảo “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”; từng bước tích hợp AI trong hệ thống thông tin quản lý điều hành, phân tích dữ liệu. Tổ chức cập nhật dữ liệu trên các hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu ngành giáo dục đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo yêu cầu của ngành.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo thống kê giáo dục định kỳ đúng thời hạn, đầy đủ, chính xác nội dung theo quy định về chế độ báo cáo thống kê ngành Giáo dục, quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ GDĐT.

3. Đẩy mạnh triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình và thanh toán không dùng tiền mặt trong giáo dục

- Dịch vụ trực tuyến về đăng ký, xét tuyển học sinh đầu cấp học;
- Thực hiện thanh toán các khoản thu bằng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt, tiến tới kết nối phần mềm quản lý các khoản thu của cơ sở giáo dục với các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt trong đó có Nền tảng thanh toán trực tuyến cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CƠ BẢN

1. Kiện toàn tổ chức, bộ phận phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục:

Phân công lãnh đạo nhà trường phụ trách và giáo viên có trình độ công nghệ thông tin kiêm nhiệm làm đầu mối triển khai nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục.

2. Xây dựng kế hoạch gắn với Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số: Xây dựng kế hoạch hành động cụ thể để ứng dụng CNTT và chuyển đổi số năm học 2025 - 2026, trong đó lồng ghép các nội dung chuyển đổi số vào kế hoạch giáo dục, kế hoạch bài dạy và lộ trình đẩy mạnh chuyển đổi số. Căn cứ các “Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số” của Bộ GDĐT để thiết lập mục tiêu, tiêu chí cụ thể; các chỉ tiêu phải bám sát các tiêu chí về hạ tầng số, ứng dụng CNTT trong dạy học, quản lý, an toàn thông tin để từ đó tự đánh giá và báo cáo định kỳ.

3. Tăng cường thể chế và quy định: Tiếp tục rà soát, hoàn thiện quy chế quản lý, vận hành các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về giáo dục; ban hành hoặc cập nhật quy chế về an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân; ban hành các hướng dẫn, quy chế sử dụng AI có đạo đức, trách nhiệm, bảo đảm quyền riêng tư trong hoạt động giáo dục; quy định về sở hữu dữ liệu; thường xuyên phổ biến, quán triệt các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn liên quan tổ chức thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục để từng cán bộ quản lý, giáo viên nắm vững và triển khai đồng bộ.

4. Đảm bảo nguồn lực và hạ tầng kỹ thuật: Đề xuất cấp kinh phí đầu tư nâng cấp hạ tầng CNTT: mua sắm máy tính, thiết bị mạng, cải thiện đường truyền Internet băng thông lớn, phòng học thông minh để phục vụ công tác số hóa, dạy học trực tuyến. Có biện pháp đảm bảo an toàn an ninh thông tin đối với các hệ thống công nghệ thông tin; thường xuyên rà soát, khắc phục các nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin; tuyệt đối đảm bảo an toàn, an ninh dữ liệu của hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục.

5. Phát triển nguồn nhân lực và nâng cao nhận thức:

- Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến kỹ năng làm chủ công nghệ cho đội ngũ quản lý, giáo viên và học sinh: tổ chức hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số Quốc gia, phong trào “Bình dân học vụ số” ở trường học, các buổi giao lưu - trải nghiệm công nghệ cho học sinh. Tổ chức các chương trình truyền thông nội bộ, tọa đàm, tập huấn để nâng cao nhận thức về bảo vệ dữ liệu cá nhân, phòng chống tấn công mạng, sử dụng phần mềm bản quyền. Đội ngũ nhà giáo phải thường xuyên cập nhật, đổi mới phương pháp dạy, học, kiểm tra, đánh giá để thích ứng với bối cảnh chuyển đổi AI trong giáo dục. Thường xuyên tổ chức tập huấn, bồi dưỡng (theo hình thức kết hợp trực tuyến và trực tiếp) nâng cao năng lực số, năng lực AI cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, người học; ưu tiên các nội dung gắn với thực tế công việc như kỹ năng ứng dụng CNTT trong quản lý nhà nước, quản trị nhà trường, dạy học, xây dựng học liệu số, tổ chức dạy học trực tuyến, ứng dụng AI tổ chức hoạt động giáo dục.

6. Quản lý và điều hành

- Thống nhất sử dụng hệ thống HPNET eOffice, ngừng vận hành các hệ thống cũ; triển khai chữ ký số toàn đơn vị.

- Triển khai quản trị nhà trường số, bảo đảm quản lý hồ sơ cán bộ, học sinh, cơ sở vật chất bằng hồ sơ số.

- Triển khai hệ thống hợp trực tuyến, theo dõi kết luận chỉ đạo của các cấp, truyền thông nội bộ trên cơ sở thống nhất, đồng bộ chung toàn ngành.

- Triển khai các giải pháp, hệ thống, phần mềm phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường : quản lý hồ sơ chuyên môn trên Q.Doc, sổ liên lạc điện tử trên ENET VIET; theo dõi chất lượng GD trên CSDL ngành; Quản lý học trực tuyến trên K12 Online

7. Thực hiện đề án 06

- Nhà trường triển khai thanh toán không dùng tiền mặt, liên thông dữ liệu với hệ thống kế toán và CSDL ngành.

- Chuẩn hóa dữ liệu và tích hợp định danh điện tử VNelD, phấn đấu đạt tỷ lệ xác thực 100% hồ sơ GV, HS; 100% GV có tài khoản VNelD mức 2; triển khai sử dụng VNelD trong ít nhất 2 dịch vụ công của ngành.

- Rà soát, cắt giảm thủ tục, giảm yêu cầu giấy tờ, tăng mức độ số hóa hồ sơ, bảo đảm tiện lợi, minh bạch cho học sinh và phụ huynh.

8. Nâng cao năng lực số, ứng dụng AI, STEM

- Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn về trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số cho cán bộ quản lý, giáo viên; hình thành đội ngũ nòng cốt triển khai.

- Triển khai khung năng lực số học sinh trong chương trình giáo dục; lồng ghép nội dung an toàn, an ninh mạng, kỹ năng số.

- Tổ chức giáo dục STEM, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; tổ chức các sân chơi, cuộc thi phù hợp (ví dụ: Hackathon, Robotics.) nhằm phát triển năng lực sáng tạo, tư duy số cho học sinh.

- Tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), IoT, dữ liệu lớn trong công tác quản lý, dạy học, kiểm tra đánh giá;

- Đội ngũ CB, GV thường xuyên cập nhật, đổi mới phương pháp dạy, học, kiểm tra, đánh giá để thích ứng với bối cảnh chuyển đổi AI trong giáo dục.

9. Truyền thông

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến kết quả và mô hình chuyển đổi số trên Cổng thông tin điện tử, trang Facebook chính thức của nhà trường.

- Phát triển chuyên mục “Giáo dục số” phản ánh kịp thời, sinh động các kết quả, mô hình và điển hình tiêu biểu trong triển khai chuyển đổi số của nhà trường.

- Tích cực tuyên truyền về vai trò, vị trí của ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong các hoạt động giáo dục của nhà trường; Phổ biến các hướng dẫn, quy chế sử dụng AI có đạo đức, trách nhiệm và đảm bảo quyền riêng tư trong hoạt động giáo dục; Tăng cường phổ biến, quán triệt các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn liên quan đến thực hiện nhiệm vụ CNTT, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục.

- Giáo dục HS có kỹ năng số, năng lực số vững chắc để tham gia môi trường số an toàn; Phổ biến về ý thức bảo vệ dữ liệu cá nhân và kỹ năng sử dụng thiết bị số an toàn; Khuyến khích HS tham gia các hoạt động giáo dục STEM, các sân chơi, cuộc

thi (ví dụ: Hackathon, Robotics...) nhằm phát triển năng lực sáng tạo và tư duy số.

- Tuyên truyền đến phụ huynh và cộng đồng: Thông tin rõ ràng về các dịch vụ công trực tuyến (tuyển sinh đầu cấp) và lợi ích của việc sử dụng thanh toán không dùng tiền mặt; Tăng cường phối hợp với phụ huynh, học sinh trong việc triển khai định danh, xác thực dữ liệu để đảm bảo tính chính xác của hồ sơ số.

- Tổ chức Sự kiện và Phong trào: Triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số Quốc gia (10/10) hàng năm; Triển khai hiệu quả Phong trào thi đua “Cả nước thi đua đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số” và Phong trào “Bình dân học vụ số” của ngành Giáo dục; Tuyên truyền về kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số để tạo động lực và sự cạnh tranh lành mạnh giữa các đơn vị.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Tổ chức quán triệt sâu kỹ các nhiệm vụ ứng dụng CNTT và chuyển đổi số năm đến toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên nhà trường; xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai trong năm học 2025-2026 (trong đó các nhiệm vụ ứng dụng CNTT trong dạy và học đảm bảo được lồng ghép trong kế hoạch giáo dục của nhà trường), giao nhiệm vụ cụ thể đến từng tổ chuyên môn để đảm bảo việc thực hiện kế hoạch đạt hiệu quả, đồng thời làm căn cứ để đánh giá thi đua cuối năm.

(Gửi kèm phụ lục một số văn bản về triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục)

Trên đây là kế hoạch thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2025 - 2026. Các tổ, bộ phận và giáo viên trong nhà trường triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Phòng VHXXH;
- Tổ CM;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Thị Thanh Đạm

Phụ lục
MỘT SỐ VĂN BẢN VỀ TRIỂN KHAI ỨNG DỤNG
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ THỐNG KÊ GIÁO DỤC

1. Luật số 60/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về Luật Dữ liệu.
2. Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu.
3. Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân.
4. Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.
5. Nghị định số, 82/2024/NĐ-CP ngày 10/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.
6. Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.
7. Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030.
8. Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030".
9. Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.
10. Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030".
11. Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án "Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030".
12. Thông tư số 08/2010/TT-BGDĐT ngày 01/03/2010 quy định về sử dụng phần mềm tự do nguồn mở trong các cơ sở giáo dục.
13. Thông tư số 21/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động bồi dưỡng, tập huấn qua mạng Internet cho giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý giáo dục.
14. Thông tư số 37/2020/TT-BGDĐT ngày 05/10/2020 quy định về tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và cổng thông tin điện tử tại sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

15. Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/03/2021 quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên.

16. Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo.

17. Thông tư số 03/2024/TT-BGDĐT ngày 18/3/2024 ban hành Hệ thống chỉ tiêu thông kê ngành giáo dục.

18. Thông tư số 24/2023/TT-BGDĐT ngày 11/12/2023 quy định về đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện, tỉnh.

19. Thông tư số 25/2023/TT-BGDĐT ngày 27/12/2023 ban hành quy định về đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã, huyện, tỉnh.

20. Thông tư số 25/2024/TT-BGDĐT ngày 25/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chế độ báo cáo thống kê ngành giáo dục.

21. Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 quy định Khung năng lực số cho người học.

22. Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục phổ thông; (Điều 10 điều chỉnh thẩm quyền cho Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT).

23. Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực giáo dục (điều chỉnh thẩm quyền cho UBND xã các Thông tư 37/2020/TT-BGDĐT; 42/2021/TT-BGDĐT; 21/2017/TT-BGDĐT; 35/2017/TT-BGDĐT; 25/2024/TT-BGDĐT).

24. Thông tư số 15/2025/TT-BGDĐT ngày 24/7/2025 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Văn hóa - Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

25. Văn bản số 5807/BGDĐT-CNTT ngày 21/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn triển khai mô hình ứng dụng công nghệ thông tin trong trường phổ thông.

26. Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

27. Quyết định số 3806/QĐ-BGDĐT ngày 29/11/2024 ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số Sở GDĐT, Phòng GDĐT.

28. Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”.

29. Quyết định số 1315/QĐ-TTg ngày 09/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai phong trào “Cả nước thi đua xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt đời giai đoạn 2023-2030”.

30. Quyết định số 1638/QĐ-BGDĐT ngày 18/6/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình phổ cập kỹ năng số dành cho Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước; Người lao động trong các doanh nghiệp; Người dân.

31. Quyết định số 1645/QĐ-BGDĐT ngày 20/6/2025 ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung và Danh mục dữ liệu mở của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

32. Văn bản số 3456/BGDĐT-GDPT ngày 27/6/2025 của Bộ GDĐT hướng dẫn triển khai thực hiện khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên.

33. Quyết định số 2207/QĐ-BGDĐT ngày 01/8/2025 ban hành Quy định kỹ thuật về dữ liệu tuyển sinh đầu cấp giáo dục phổ thông.